LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN 36 - Từ ngày 10 tháng 05 đến ngày 16 tháng 05 năm 2021)

ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học\Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	12	103113.1	1	5	Cơ điện tử 1	1	P.207 A10					1	P.207 A10							V. T. Anh	Dạy trực tuyến trên phần mềm
2	ĐH	12	103113.1	1	5	Cơ điện tử 1	2	P.207 A10					2	P.207 A10							V. T. Anh	Dạy trực tuyến trên phần mềm
3	ĐH	12	103113.1	1	5	Cơ điện tử 1	3	P.207 A10													V. T. Anh	Dạy trực tuyến trên phần mềm
4	CĐ	18	CĐT1	1	1	LTĐK	2	P.203-A10			2	P.203-A10									B. T. Lâm	Dạy trực tuyến trên phần mềm
5	ĐH	9	10357.1	1	1	THCSHTTĐ			3	P.201-A10											B. H .Anh	Dạy trực tuyến trên phần mềm
6	ĐH	12	ME6032.1	1	25	TĐHQTSX			2	P.206-A10											P. Đ. Hiếu	
7	ĐH	12	ME6032.2	2	25	TĐHQTSX					2	P.206-A10									P. Đ. Hiếu	
8	ĐH	12	ME6032.3	3	25	TĐHQTSX							2	P.206-A10							P. Đ. Hiếu	
9	ĐH	12	103114.1	1	13	CĐT2			1	P.206-A10											P. Đ. Hiếu	
10	ĐH	12	103114.1	1	13	CĐT2							3	P.206-A10							P. Đ. Hiếu	
11	CĐ	20	ME5044.1	1	5	KTTĐH			1	P.207-A10					1	P.207-A10					L. V. Hải	
12	CĐ	18	104147.1	1	2	KTTĐH					1	P.207-A10									L. V. Hải	
13	CĐ	21	ME5045.3	1	23	RBCN	1	P.201-A10					1	P.201-A10							L. V. Hải	
14	CĐ	21	ME5045.3	2	23	RBCN			2	P.201-A10	2	P.207-A10									L. V. Hải	
15	CĐ	18	104142.1	1	1	HTTĐTK									1	P.204-A10					T. N. Tiến	
16	CĐ	18	104142.1	1	1	HTTĐTK									2	P.204-A10					T. N. Tiến	
17	CĐ	22	CK3	2	30	Vẽ kỹ thuật							1	P.206-A10							V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
18	CĐ	22	CK3	1	30	Vẽ kỹ thuật							2	P.206-A10							V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
19	CĐ	22	CK3	2	30	Vẽ kỹ thuật									1	P.206-A10					V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
20	CĐ	22	CK3	1	30	Vẽ kỹ thuật									2	P.206-A10					V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
21	CĐ	22	CK3	2	30	Vẽ kỹ thuật											1	P.206-A10			V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
22	CĐ	22	CK3	1	30	Vẽ kỹ thuật											2	P.206-A10			V. T. N. Uyên	Dạy trực tuyến
23	ĐH	K13	TK Thời trang	3	28	Vẽ kỹ thuật							2	P.505 - A10							P.T. M. Huệ	Dạy trực tuyến: 12h 30'- 15h10'
24	ĐH	13	20202ME6037003		25	Thực hành CNC							3	Tầng 1-A10					1	Tầng 1-A10	N. V. Đức	TT Hồng Hải
25	ĐH	13	20202ME6037004		25	Thực hành CNC													2	TT Cơ khí	C. T. Anh	Khu B
26	ĐH	13	20202ME6037005		25	Thực hành CNC	1	Tầng 1-A10	2	Tầng 1-A10											P. V. Trình	TT Hồng Hải
27	ĐH	13	20202ME6037006		25	Thực hành CNC	1	TT Cơ khí													C. T. Anh	Khu B
28	ĐH	13	20202ME6037007		25	Thực hành CNC	2	TT Cơ khí													L. Q. Lâm	Khu B
29	ĐH	13	20202ME6037008		25	Thực hành CNC	3	TT Cơ khí													N. M. Thắng	Khu B
30	ĐH	13	20202ME6037009		25	Thực hành CNC			1	TT Cơ khí							`				L. Q. Lâm	Khu B
31	ĐH	13	20202ME6037010		25	Thực hành CNC			2	TT Cơ khí											N. M. Thắng	Khu B
32	ĐH	13	20202ME6037011		25	Thực hành CNC			3	TT Cơ khí											N. M. Thắng	Khu B
33	ĐH	13	20202ME6037012		25	Thực hành CNC					1	TT Cơ khí									L. Q. Lâm	Khu B
34	ĐH	13	20202ME6037013		25	Thực hành CNC					2	TT Cơ khí									N. M. Thắng	Khu B
35	ĐH	13	20202ME6037014		25	Thực hành CNC													2	TT Cơ khí	L. Q. Lâm	Khu B
36	ĐH	13	20202ME6037015		25	Thực hành CNC							3	TT Cơ khí							N. M. Thắng	Khu B
37	ĐH	13	20202ME6037016		25	Thực hành CNC							2	TT Cơ khí							N. M. Thắng	Khu B

38	ĐH	13	20202ME6037017		25	Thực hành CNC											2	TT Cơ khí			L. Q. Lâm	Khu B
39	ĐH	13	20202ME6037018		25	Thực hành CNC									1	TT Cơ khí					L. Q. Lâm	Khu B
40	ĐH	13	20202ME6037019		25	Thực hành CNC									2	TT Cơ khí					N. M. Thắng	Khu B
41	ĐH	13	20202ME6037020		25	Thực hành CNC					2	Tầng 1-A10							1	Tầng 1-A10	N. T. Mai	TT Hồng Hải
42	ĐH	13	20202ME6037021		25	Thực hành CNC											1	TT Cơ khí			L. Q. Lâm	Khu B
43	ĐH	13	20202ME6037022		25	Thực hành CNC											2	TT Cơ khí			L. Q. Lâm	Khu B
44	ĐH	13	20202ME6037023		25	Thực hành CNC							1	TT Cơ khí							L. Q. Lâm	Khu B
45	ĐH	13	20202ME6004001		30	Thực hành CAD/CAM					1	P.307-A10									H. T. Dũng	
46	ĐH	13	20202ME6004002		30	Thực hành CAD/CAM					2	P.307-A10									N. V. Cảnh	
47	ĐH	13	20202ME6004003		30	Thực hành CAD/CAM											1	P.307-A10			T. V. Long	
48	ĐH	13	20202ME6004004	1	35	Thực hành CAD/CAM					2	P.312-A10	2	P.306-A10							Đ. N. Hoành	
49	ĐH	13	20202ME6004004	2	35	Thực hành CAD/CAM									2	P.312-A10	2	P.307-A10			Đ. N. Hoành	
50	ĐH	13	20202ME6004005	1	35	Thực hành CAD/CAM	1	P.307-A10													N. M. Anh	
51	ĐH	13	20202ME6004005	2	35	Thực hành CAD/CAM	2	P.307-A10													N. M. Anh	
52	ĐH	13	20202ME6004006	1	25	Thực hành CAD/CAM	3	P.306-A10			3	P.307-A10									T. V. Long	
53	ĐH	13	20202ME6004006	2	25	Thực hành CAD/CAM	2	P.306-A10													N. V. Quê	
54	ĐH	13	20202ME6004006	3	25	Thực hành CAD/CAM	3	P.307-A10													N. V. Quê	
55	ĐH	13	20202ME6004007	1	35	Thực hành CAD/CAM											1	P.306-A10			Đ. N. Hoành	
56	ĐH	13	20202ME6004007	2	35	Thực hành CAD/CAM							2	P.307-A10							N. V. Cảnh	
57	ĐH	13	20202ME6004008	1	35	Thực hành CAD/CAM													3	P.307-A10	P. V. Trinh	
58	ĐH	13	20202ME6004008	2	35	Thực hành CAD/CAM							3	P.307-A10							P. V. Trinh	
59	ĐH	9	20202010305001		1	Thực hành CAD/CAM									2	P.313-A10					N. M. Anh	
60	ĐH	13	20202ME6007001	2	23	CNCTM2	2	P.106-A9													Đ. Đ. Trung	
61	ĐH	13	20202ME6007001	3	23	CNCTM2	3	P.106-A9													N. V. Hùng	
62	ĐH	13	20202ME6007002	1	23	CNCTM2	1	P.106-A9													D. V. Đức	